

**DANH MỤC THUẾ SUẤT THUẾ NHẬP KHẨU ƯU ĐÃI
ĐỐI VỚI MỘT SỐ MẶT HÀNG THUỘC NHÓM 27.10**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 48/2015/TT-BTC
ngày 13/04/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*



Mục I

**Thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi áp dụng đối với 97 Chương
theo Danh mục hàng hoá nhập khẩu Việt Nam**

Mã hàng	Mô tả hàng hoá	Thuế suất (%)
27.10	Dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum, trừ dầu thô; các chế phẩm chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác, có chứa hàm lượng từ 70% trở lên là dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ hoặc các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum, những loại dầu này là thành phần cơ bản của các chế phẩm đó; dầu thải.	
	- Dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum (trừ dầu thô) và các chế phẩm chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác, có chứa hàm lượng từ 70% trở lên là dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ hoặc các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum, những loại dầu này là thành phần cơ bản của các chế phẩm đó, trừ nhiên liệu sinh học và trừ dầu thải:	
2710.12	-- Dầu nhẹ và các chế phẩm:	
	--- Xăng động cơ:	
2710.12.11	---- RON 97 và cao hơn, có pha chì	20
2710.12.12	---- RON 97 và cao hơn, không pha chì	20
2710.12.13	---- RON 90 và cao hơn, nhưng dưới RON 97 có pha chì	20
2710.12.14	---- RON 90 và cao hơn, nhưng dưới RON 97 không pha chì	20
2710.12.15	---- Loại khác, có pha chì	20
2710.12.16	---- Loại khác, không pha chì	20
2710.12.20	--- Xăng máy bay, trừ loại sử dụng làm nhiên liệu máy bay phản lực	10
2710.12.30	--- Tetrapropylen	20
2710.12.40	--- Dung môi trắng (white spirit)	20
2710.12.50	--- Dung môi có hàm lượng cấu tử thơm thấp dưới 1% tính theo trọng lượng	20
2710.12.60	--- Dung môi nhẹ khác	20
2710.12.70	--- Naphtha, reformate và các chế phẩm khác để pha chế xăng động cơ	20
2710.12.80	--- Alpha olefin khác	20
2710.12.90	--- Loại khác	20

Mã hàng	Mô tả hàng hoá	Thuế suất (%)
2710.19	-- Loại khác:	
2710.19.20	--- Dầu thô đã tách phân nhẹ	5
2710.19.30	--- Nguyên liệu để sản xuất than đen	5
	--- Dầu và mỡ bôi trơn:	
2710.19.41	---- Dầu khoáng đã tinh chế để sản xuất dầu bôi trơn	5
2710.19.42	---- Dầu bôi trơn cho động cơ máy bay	5
2710.19.43	---- Dầu bôi trơn khác	5
2710.19.44	---- Mỡ bôi trơn	5
2710.19.50	--- Dầu dùng trong bộ hãm thuỷ lực (dầu phanh)	3
2710.19.60	--- Dầu biến thế và dầu dùng cho bộ phận ngắt mạch	5
	--- Nhiên liệu diesel; các loại dầu nhiên liệu:	
2710.19.71	---- Nhiên liệu diesel cho ô tô	20
2710.19.72	---- Nhiên liệu diesel khác	20
2710.19.79	---- Dầu nhiên liệu	25
2710.19.81	--- Nhiên liệu động cơ máy bay (nhiên liệu phản lực) có độ chớp cháy từ 23° C trở lên	10
2710.19.82	--- Nhiên liệu động cơ máy bay (nhiên liệu phản lực) có độ chớp cháy dưới 23° C	10
2710.19.83	--- Các kerosine khác	20
2710.19.89	--- Dầu trung khác và các chế phẩm	15
2710.19.90	--- Loại khác	3
2710.20.00	- Dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum (trừ dầu thô) và các chế phẩm chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác, có chứa từ 70% trọng lượng trở lên là dầu mỏ hoặc các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum, những loại dầu này là thành phần cơ bản của các chế phẩm đó, có chứa dầu diesel sinh học, trừ dầu thải	5
	- Dầu thải:	
2710.91.00	-- Có chứa biphenyl đã polyclo hóa (PCBs), terphenyl đã polyclo hóa (PCTs) hoặc biphenyl đã polybrom hóa (PBBs)	20
2710.99.00	-- Loại khác	20

Mục II

Chương 98 - Quy định mã hàng và mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi riêng đối với một số nhóm mặt hàng, mặt hàng

Mã hàng	Mô tả hàng hoá	Mã hàng tương ứng tại mục I phụ lục II	Thuế suất (%)
9838 00 00	Xăng sinh học (E5, E10)	2710 12 14	20
		2710 20 00	
	Dầu diesel sinh học (B5, B10)	2710 20 00	20